

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THÔN NĂM MẪU CÓ ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM TRONG PHẠM VI GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP ĐÔ THỊ, DU LỊCH SINH THÁI, SẢN GỖN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo thông báo niêm yết công khai số 12 ngày 14 tháng 02 năm 2026 của Trung tâm phát triển quỹ đất số 01

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hộ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
1	Lê Thị Dung (Thanh)					45+41	17+1488+1408					1128	77,26%	12	3	90.240.000	270.720.000	18.360.000	379.320.000								140.460.000	519.780.000
	Lê Thị Dung (Thanh)	4	1460	1460	45	17	427,5	BHK	Đồng Đợt 2	408										1. Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	408,0	200.000	100%	81.600.000			
					41	1488	714,4	BHK	Đồng Đợt 1	714,4										2. Mọc hương 2cm < ĐK gốc ≤4cm (cây trồng chính)		364,0						
																			Nằm trong mật độ	đồng/cây	144,0	300.000	100%	43.200.000				
																			Vượt mật độ 30%	đồng/cây	66,0	300.000	30%	5.940.000				
																			Vượt mật độ >30%	đồng/cây	154,0	300.000	0%	0				
					41	1408	8,7	BHK	Đồng Đợt 1	5,6											3. Nhân giống (cây trồng xen)	đồng/m²	180,0	180.000	30%	9.720.000		
2	Ngô Văn Ván, Nguyễn Thị Hoà					45+41	5+1408+1534					1128	77,26%	12	4	90.240.000	270.720.000	24.480.000	385.440.000								211.472.268	596.912.268
	Ngô Văn Ván, Nguyễn Thị Hoà	4	1460	1460	45	5	422,4	BHK	Đồng Đợt 2	408									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	408,0	200.000	100%	81.600.000				
					41	1408	3,1	BHK	Đồng Đợt 1	3,1								Giếng khoan (Sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268					
																			Cây nhân giống	đồng/m²	720,0	180.000	100%	129.600.000				
					41	1534	716,9	BHK	Đồng Đợt 1	716,9																		
3	Nguyễn Văn Đoàng, Trần Thị Minh					41	1535+1643+2009					1692	77,26%	12	5	135.360.000	406.080.000	30.600.000	572.040.000								338.400.000	910.440.000
	Nguyễn Văn Đoàng, Trần Thị Minh	6	2190	2190	41	1535	1050,2	BHK	Đồng Đợt 1	1050,2									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.692,0	200.000	100%	338.400.000				
					41	1643	29,8	BHK	Đồng Đợt 1	29,8																		
					41	2009	832,1	BHK	Đồng Đợt 2	612																		
4	Trần Văn Huynh, Lê Thị Sớm					45+41	4+1628					282	77,26%	12	2	22.560.000	67.680.000	12.240.000	102.480.000								56.422.268	158.902.268
	Trần Văn Huynh, Lê Thị Sớm	1	365	365	45	4	752,9	BHK	Đồng Đợt 2	102									Cây vú sữa 5cm ≤ ĐK gốc <8cm (cây trồng chính)	đồng/cây	1,0	550.000	100%	550.000				
																			Cây Hoa lily trồng trên đất (cây trồng xen)	đồng/m²	98,0	200.000	100%	19.600.000				
																			Giếng khoan (Sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268				
					41	1628	180	BHK	Đồng Đợt 1	180									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000				
5	Ngô Văn Công, Ngô Thị Thuý					41+45	2020+18+1628					1860	76,20%	12	5	148.800.000	446.400.000	30.600.000	625.800.000								372.000.000	997.800.000
	Ngô Văn Công, Ngô Thị Thuý	7	2441	2441	41	2020	453,6	BHK	Đồng Đợt 2	453,6									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.860,0	200.000	100%	372.000.000				
					45	18	382,8	BHK	Đồng Đợt 2	146,4																		
					41	1628	1261,7	BHK	Đồng Đợt 1	1260																		



STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng										Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xử đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)				
6	Chu Văn Hỷ, Đặng Thị Hương					41	627+667+1405					1350	76,49%	12	7	108.000.000	324.000.000	42.840.000	474.840.000								270.999.365	745.839.365		
	Chu Văn Hỷ, Đặng Thị Hương	5	1765	1765	41	627	437,3	BHK	Đồng Đợt 2	437,3										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000					
					41	667	12,7	BHK	Đồng Đợt 2	12,7										Giếng khoan (Sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268					
					41	1405	901,3	BHK	Đồng Đợt 1	900										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	886,0	200.000	100%	177.200.000					
																				Lưới B40, KT; 135 *1,5m	m²	202,50								
																				BT cột BT mác 200: (0,1*0,1 cao 1,5m)*40 cột	m³	0,60	3.226.656	10%	193.599					
																				Nhà xây gạch chi tường 110 bỏ trụ, kết cấu thép, lợp mái tôn, KT; (2,1*2,1m) cao 2m.	m² sàn	4,41	2.033.079	10%	896.588					
																				Nhà xây gạch chi tường 110 bỏ trụ, kết cấu thép, lợp mái tôn, KT; (2,4*4m) cao 2,2m.	m² sàn	9,60	2.033.079	10%	1.951.756					
																				Tường xây gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 6m; vữa XM M50, KT; (13+1,2)*1,4m	m³	2,19	2.218.558	10%	485.154					
7	Nguyễn Văn Hạc (Thom)					41	667+1406					1080	76,49%	12	8	86.400.000	259.200.000	48.960.000	394.560.000							216.272.268	610.832.268			
	Nguyễn Văn Hạc (Thom)	4	1412	1412	41	667	362,7	BHK	Đồng Đợt 2	360									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000						
					41	1406	729,1	BHK	Đồng Đợt 1	720									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000						
8	Chu Văn Sơn, Văn Thị Huyền					41	666+1491					810	76,49%	12	6	64.800.000	194.400.000	36.720.000	295.920.000								162.000.000	457.920.000		
	Chu Văn Sơn, Văn Thị Huyền	3	1059		41	666	274,8	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0	200.000	100%	54.000.000						
					41	1491	540,3	BHK	Đồng Đợt 1	540									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000						
9	Chu Văn Thằng (chết) đại diện Chu Văn Cũ (là con)					41	1490+665					540	76,49%	12	1	43.200.000	129.600.000	6.120.000	178.920.000								108.000.000	286.920.000		
	Chu Văn Thằng (chết) đại diện Chu Văn Cũ (là con)	2	706	706	41	1490	517,8	BHK	Đồng Đợt 1	360									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000						
					41	665	205,5	BHK	Đồng Đợt 2	180									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000						
10	Trần Văn Minh, Lê Thị Vinh					41	1363+1077+1081					832,18	76,97%	12	8	66.574.400	199.723.200	48.960.000	315.257.600								147.122.400	462.380.000		
	Trần Văn Minh, Lê Thị Vinh	3	1167	85,82	1081,18	41	1363	624,5	BHK	Đồng Đợt 1	612								Cây nhãn giống	đồng/m²	612,0	180.000	100%	110.160.000						
						41	1077	3,8	BHK	Đồng Đợt 2	3,8									Cây ăn quả khác (Quất giống)	đồng/m²	89,00	150.000	100%	13.350.000					
						41	1081	302,2	BHK	Đồng Đợt 2	216,38									Nhãn giống	đồng/m²	131,18	180.000	100%	23.612.400					

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
11	Nguyễn Văn Khuyển, Nguyễn Thị Doãn					41	1263+1247					882	77,98%	12	4	70.560.000	211.680.000	24.480.000	306.720.000							176.400.000	483.120.000	
	Nguyễn Văn Khuyển, Nguyễn Thị Doãn	3	1131		1131	41	1263	275,2	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0	200.000	100%	54.000.000			
						41	1247	637,3	BHK	Đồng Đợt 1	612									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	612,0	200.000	100%	122.400.000			
12	Trần Văn Sửu, Hoàng Thuý Linh					41	1013+1180					2058	77,98%	12	3	164.640.000	493.920.000	18.360.000	676.920.000							411.600.000	1.088.520.000	
	Trần Văn Sửu, Hoàng Thuý Linh	7	2639		2639	41	1013	704	BHK	Đồng Đợt 2	630									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	630,0	200.000	100%	126.000.000			
						41	1180	1456,1	BHK	Đồng Đợt 1	1428									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.428,0	200.000	100%	285.600.000			
13	Nguyễn Thị Út (Thùy)					41	1135+970					1764	77,98%	12	4	141.120.000	423.360.000	24.480.000	588.960.000							352.800.000	941.760.000	
	Nguyễn Thị Út (Thùy)	6	2262		2262	41	1135	1240,4	BHK	Đồng Đợt 1	1224									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.224,0	200.000	100%	244.800.000			
						41	970	567,2	BHK	Đồng Đợt 2	540									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000			
14	Ngô Văn Phúc, Nguyễn Thị Hoa					41	971+1094					1470	77,98%	12	8	117.600.000	352.800.000	48.960.000	519.360.000							285.000.000	804.360.000	
	Ngô Văn Phúc, Nguyễn Thị Hoa	5	1885		1885	41	971	453,4	BHK	Đồng Đợt 2	450									Cây nhãn giống	đồng/m²	450,0	180.000	100%	81.000.000			
						41	1094	1039	BHK	Đồng Đợt 1	1020									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1020	200.000	100%	204.000.000			
15	Ngô Văn Tách, Nguyễn Thị Tuyền					41	955+971+1033					1176	77,98%	12	3	94.080.000	282.240.000	18.360.000	394.680.000							235.200.000	629.880.000	
	Ngô Văn Tách, Nguyễn Thị Tuyền	4	1508		1508	41	955	346,9	BHK	Đồng Đợt 2	346,9									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000			
						41	971	13,1	BHK	Đồng Đợt 2	13,1																	
						41	1033	817,9	BHK	Đồng Đợt 1	816									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	816,0	200.000	100%	163.200.000			
16	Ngô Văn Nội, Trần Thị Nghĩa					41	954+1012					882	77,98%	12	5	70.560.000	211.680.000	30.600.000	312.840.000							176.400.000	489.240.000	
	Ngô Văn Nội, Trần Thị Nghĩa	3	1131		1131	41	954	281,9	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0	200.000	100%	54.000.000			
						41	1012	631,6	BHK	Đồng Đợt 1	612									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	612,0	200.000	100%	122.400.000			
17	Đỗ Văn Đãi, Đỗ Thị An					41	953+954+972					2058	77,98%	12	7	164.640.000	493.920.000	42.840.000	701.400.000							411.600.000	1.113.000.000	
	Đỗ Văn Đãi, Đỗ Thị An	7	2639		2639	41	953	623,4	BHK	Đồng Đợt 2	623,4									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	630,0	200.000	100%	126.000.000			
						41	954	6,6	BHK	Đồng Đợt 2	6,6																	
						41	972	1455,7	BHK	Đồng Đợt 1	1428									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.428,0	200.000	100%	285.600.000			
18	Trần Văn Giá, Nguyễn Thị Bắc					41	952+897+1131					2058	77,98%	12	6	164.640.000	493.920.000	36.720.000	695.280.000							411.600.000	1.106.880.000	
	Trần Văn Giá, Nguyễn Thị Bắc	7	2639		2639	41	952	1440,6	BHK	Đồng Đợt 1	1428									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.428,0	200.000	100%	285.600.000			
						41	897	612,8	BHK	Đồng Đợt 2	612,8																	
						41	1131	212	BHK	Đồng Đợt 2	17,2									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	630,0	200.000	100%	126.000.000			

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
19	Đỗ Văn Quyết, Ngô Thị Pha	2	784			41	900+901				618	78,83%	12	5	49.440.000	148.320.000	30.600.000	228.360.000							123.600.000	351.960.000		
	41					900	240,2	BHK	Đồng Đợt 2	210								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	210	200.000	100%	42.000.000					
	41					901	413,8	BHK	Đồng Đợt 1	408								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	408	200.000	100%	81.600.000					
20	Ngô Văn Dũng, Lê Thị Khiếu	5	1885		1885						1470	77,98%	12	5	117.600.000	352.800.000	30.600.000	501.000.000							294.000.000	795.000.000		
	41					899	419,5	BHK	Đồng Đợt 2	419,5								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000					
	41					900	30,5	BHK	Đồng Đợt 2	30,5																		
	41					901	3	BHK	Đồng Đợt 1	3								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.020,0	200.000	100%	204.000.000					
21	Trần Văn Sẻ, Nguyễn Thị Thắm	6	2262		2262	41	872+823+869				1764	77,98%	12	5	141.120.000	423.360.000	30.600.000	595.080.000							352.800.000	947.880.000		
	41					872	583	BHK	Đồng Đợt 2	540								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000					
	41					823	3,6	BHK	Đồng Đợt 1	3,6								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.224,0	200.000	100%	244.800.000					
	41					869	1220,4	BHK	Đồng Đợt 1	1220,4																		
22	Nguyễn Thị Hoa (Bắc)	5	1885		1885	41	820+795				1470	77,98%	12	4	117.600.000	352.800.000	24.480.000	494.880.000							294.272.268	789.152.268		
	41					820	509,5	BHK	Đồng Đợt 2	450								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000					
	41					795	1041,9	BHK	Đồng Đợt 1	1020								Giếng khoan (Sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268					
																	Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.020,0	200.000	100%	204.000.000						
23	Lê Thị Luy (Vượng)	4	1508		1508	41	821+794				1176	77,98%	12	7	94.080.000	282.240.000	42.840.000	419.160.000							235.200.000	654.360.000		
	41					821	400,2	BHK	Đồng Đợt 2	360								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000					
	41					794	840,2	BHK	Đồng Đợt 1	816								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	816,0	200.000	100%	163.200.000					
24	Trần Văn Sung, Đỗ Thị Sáng	6	2262		2262	41	749+798+822				1764	77,98%	12	4	141.120.000	423.360.000	24.480.000	588.960.000							352.800.000	941.760.000		
	41					749	1335,9	BHK	Đồng Đợt 1	1224								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.224,0	200.000	100%	244.800.000					
	41					822	593,7	BHK	Đồng Đợt 2	540								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000					
25	Nguyễn Huy Tứ (Hiền)	4	1508		1508	41	748+747+792				1176	77,98%	12	3	94.080.000	282.240.000	18.360.000	394.680.000							235.472.268	630.152.268		
	41					748	329,5	BHK	Đồng Đợt 2	329,5								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000					
	41					747	30,5	BHK	Đồng Đợt 2	30,5																		
	41					792	834,4	BHK	Đồng Đợt 1	816								Giếng khoan (Sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268					
																		Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	816,0	200.000	100%	163.200.000					

[illegible]

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)	
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
34	Nguyễn Văn Thu, Trần Thị May					41	514+575+1137					960,32	74,31%	12	4	76.825.600	230.476.800	24.480.000	331.782.400							192.064.000	523.846.400	
	Nguyễn Văn Thu, Trần Thị May	4	1412	119,68	1292,32	41	514	192,1	BHK	Đồng Đợt 2	170									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	170,0	200.000	100%	34.000.000			
						41	575	251,3	BHK	Đồng Đợt 2	190									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	190,0	200.000	100%	38.000.000			
						41	1137	726,2	BHK	Đồng Đợt 1	600,32									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	600,32	200.000	100%	120.064.000			
35	Nguyễn Thị Vĩnh					41	578+1178					540	76,49%	12	2	43.200.000	129.600.000	12.240.000	185.040.000							108.000.000	293.040.000	
	Nguyễn Thị Vĩnh	2	706		706	41	578	192,5	BHK	Đồng Đợt 2	180									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000			
						41	1178	362,7	BHK	Đồng Đợt 1	360									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000			
36	Trần Văn Tứ (Ngôi)					41	1289+1365+625					1620	76,49%	12	6	129.600.000	388.800.000	36.720.000	555.120.000							302.672.268	857.792.268	
	Trần Văn Tứ (Ngôi)	6	2118			41	1289	1077,1	BHK	Đồng Đợt 1	1077,1									Cây nhãn giống	đồng/m²	1.080,0	180.000	100%	194.400.000			
						41	1365	2,9	BHK	Đồng Đợt 1	2,9										Giếng khoan (Sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268		
						41	625	553,9	BHK	Đồng Đợt 2	540									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000			
37	Đặng Thị Ngát					41	718+1529+1496					1470	77,98%	12	3	117.600.000	352.800.000	18.360.000	488.760.000							294.000.000	782.760.000	
	Đặng Thị Ngát	5	1885		1885	41	718	475,3	BHK	Đồng Đợt 2	450									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.470,0	200.000	100%	294.000.000			
						41	1529	8,3	BHK	Đồng Đợt 1	8,3																	
						41	1496	1011,7	BHK	Đồng Đợt 1	1011,7																	
38	Nguyễn Văn Hạt, Đỗ Thị Nương					41	717+1402+1403					1140	77,45%	12	5	91.200.000	273.600.000	30.600.000	395.400.000							228.272.268	623.672.268	
	Nguyễn Văn Hạt, Đỗ Thị Lương	4	1472		1472	41	717	372,1	BHK	Đồng Đợt 2	360									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.140,0	200.000	100%	228.000.000			
						41	1402	4,4	BHK	Đồng Đợt 1	4,4																	
						41	1403	775,6	BHK	Đồng Đợt 1	775,6															Giếng khoan (Sâu 30m)	m	30,0
39	Lê Thị Bình (Đạo)					41	1402+717+716					1350	76,49%	12	8	108.000.000	324.000.000	48.960.000	480.960.000							270.000.000	750.960.000	
	Lê Thị Bình (Đạo)	5	1765		1765	41	1402	900	BHK	Đồng Đợt 1	900									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.350,0	200.000	100%	270.000.000			
						41	717	3,4	BHK	Đồng Đợt 2	3,4																	
						41	716	446,6	BHK	Đồng Đợt 2	446,6																	
40	Ngô Quang Triển, Nguyễn Thị Bé					41	620+754+1090					1350	76,49%	12	5	108.000.000	324.000.000	30.600.000	462.600.000							270.000.000	732.600.000	
	Ngô Quang Triển, Nguyễn Thị Bé	5	1765		1765	41	620	376,9	BHK	Đồng Đợt 2	222,5									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000			
						41	754	227,5	BHK	Đồng Đợt 2	227,5																	
						41	1090	926,1	BHK	Đồng Đợt 1	900															Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	900,0
41	Trần Văn Sóng, Vũ Thị Thắm					41	583+1036					1080	76,49%	12	4	86.400.000	259.200.000	24.480.000	370.080.000							216.272.268	586.352.268	
	Trần Văn Sóng, Vũ Thị Thắm	4	1412		1412	41	583	451,4	BHK	Đồng Đợt 2	360									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000			
																				Giếng khoan (Sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268			
						41	1036	756,1	BHK	Đồng Đợt 1	720									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000			

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
42	Nguyễn Huy Xuất, Trần Thị Bắc					41	798+829					2058	77,98%	12	4	164.640.000	493.920.000	24.480.000	683.040.000							400.267.765	1.083.307.765	
	Nguyễn Huy Xuất, Trần Thị Bắc	7	2639	2639	41	798	654,9	BHK	Đồng Đợt 2	630									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	630,0	200.000	100%	126.000.000				
																	BT cột BT mác 200: KT; (0,1x0,1x1,7)x6	m³	0,10	3.226.656	10%	32.912						
					41	829	1448,8	BHK	Đồng Đợt 1	1428									Nhân giống	đồng/m²	571,0	180.000	100%	102.780.000				
																			Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	857,0	200.000	100%	171.400.000				
																		BT cột BT mác 200: KT; (0,1x0,1x1,7)x10	m³	0,17	3.226.656	10%	54.853					
43	Ngô Văn Tuấn, Đỗ Thị Ảnh					41	797+830					882	77,98%	12	3	70.560.000	211.680.000	18.360.000	300.600.000							172.752.912	473.352.912	
	Ngô Văn Tuấn, Đỗ Thị Ảnh	3	1131	1131	41	797	276,6	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0	200.000	100%	54.000.000				
																	BT cột BT mác 200: KT; (0,1x0,1x1,7)x6	m³	0,10	3.226.656	10%	32.912						
					41	830	614,5	BHK	Đồng Đợt 1	612									Nhân giống	đồng/m²	184,0	180.000	100%	33.120.000				
																							Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	428,0	200.000	100%	85.600.000
44	Đỗ Văn Bổng					41	1041+1976+1132					810	76,49%	12	4	64.800.000	194.400.000	24.480.000	283.680.000							142.560.000	426.240.000	
	Đỗ Văn Bổng	3	1059	1059	41	1041	278,7	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây ăn quả khác (Quất giống)	đồng/m²	108,0	150.000	100%	16.200.000				
																		Nhân giống	đồng/m²	162,0	180.000	100%	29.160.000					
					41	1976	501	BHK	Đồng Đợt 1	500										Nhân giống	đồng/m²	540,0	180.000	100%	97.200.000			
											41	1132	157,2	BHK	Đồng Đợt 2	40												
45	Nguyễn Văn Dung, Nguyễn Thị Luân					41	898+1038+1916+1915					1128	77,26%	12	3	90.240.000	270.720.000	18.360.000	379.320.000							225.600.000	604.920.000	
	Nguyễn Văn Dung, Nguyễn Thị Luân	4	1460	1460	41	898	119,2	BHK	Đồng Đợt 2	90									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000				
					41	1038	272,1	BHK	Đồng Đợt 2	270																		
					41	1916	39,1	BHK	Đồng Đợt 1	19,7										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	768,0	200.000	100%	153.600.000			
					41	1915	748,3	BHK	Đồng Đợt 1	748,3																		
46	Đỗ Văn Đạo, Ngô Thị Nhâm					41	1619+1246					1764	77,98%	12	5	141.120.000	423.360.000	30.600.000	595.080.000							349.744.536	944.824.536	
	Đỗ Văn Đạo, Ngô Thị Nhâm	6	2262	2262	41	1619	565,4	BHK	Đồng Đợt 2	540									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000				
					41	1246	1329,5	BHK	Đồng Đợt 1	1224									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.152,0	200.000	100%	230.400.000				
																				Cây ăn quả khác (Quất giống)	đồng/m²	72,0	150.000	100%	10.800.000			
																				Giếng khoan (Sâu 30m)	m	60,0	90.756	10%	544.536			

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
47	Nguyễn Thị Bảo					41	1131+1130				300	100,00%	12	0	24.000.000	72.000.000		96.000.000							60.000.000	156.000.000	
	Nguyễn Thị Bảo	1				41	1131	17,6	BHK	Đồng Đợt 2	17,6								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	300,0	200.000	100%	60.000.000			
						41	1130	282,4	BHK	Đồng Đợt 2	282,4																
48	Nguyễn Thị Nghè (Thứ)					41	630+1011				1350	76,49%	12	4	108.000.000	324.000.000	24.480.000	456.480.000							270.000.000	726.480.000	
	Nguyễn Thị Nghè (Thứ)	5	1765		1765	41	630		BHK	Đồng Đợt 2	450								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.350,0	200.000	100%	270.000.000			
						41	1011		BHK	Đồng Đợt 1	900																
49	Trần Văn Hoàn (Xiêm)					45+41	1+790				1028,9	72,87%	12	7	82.312.000	246.936.000	42.840.000	372.088.000							205.130.000	577.218.000	
	Trần Văn Hoàn (Xiêm)	4	1412		1412	45	1	668,9	BHK	Đồng Đợt 1	668,9								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	663,9	200.000	100%	132.780.000			
						41	790	438,4	BHK	Đồng Đợt 2	360								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000			
50	Nguyễn Huy Đạt					41	1607+1602				1128	77,26%	12	8	90.240.000	270.720.000	48.960.000	409.920.000							225.600.000	635.520.000	
	Nguyễn Huy Đạt	4	1460		1460	41	1607	414,7	BHK	Đồng Đợt 2	408								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.128,0	200.000	100%	225.600.000			
						41	1602	721,3	BHK	Đồng Đợt 1	720																
51	Ngô Văn Đông (Mấn)					41	584+1037				540	76,49%	12	6	43.200.000	129.600.000	36.720.000	209.520.000							108.272.268	317.792.268	
	Ngô Văn Đông (Mấn)	2	706		706	41	584	195,5	BHK	Đồng Đợt 2	180								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000			
						41	1037	390,2	BHK	Đồng Đợt 1	360								Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268			
																			Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000			
52	Đỗ Văn Thu, Ngô Thị Đang					41	585+1008				540	76,49%	12	5	43.200.000	129.600.000	30.600.000	203.400.000							55.773.000	259.173.000	
	Đỗ Văn Thu, Ngô Thị Đang	2	706	706	41	585	213,5	BHK	Đồng Đợt 2	180									Nhãn giống	đồng/m²	108,0	180.000	100%	19.440.000			
																		Cây ăn quả khác (Quất giống)	đồng/m²	72,0	150.000	100%	10.800.000				
																		Nhãn giống (cây trồng xen)	đồng/m²	222,0	180.000	30%	11.988.000				
																		Cây đào 2cm < ĐK ≤ 3cm; H>100 cm (cây trồng chính)		275,0							
																		Nằm trong mật độ	đồng/cây	72,0	150.000	100%	10.800.000				
																		Vượt mật độ 30%	đồng/cây	61,0	150.000	30%	2.745.000				
																		Vượt mật độ >30%	đồng/cây	142,0	150.000	0%	0				

11-10-2024

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)		
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)				
53	Ngô Văn Tờ, Trần Thị Viễn					41	943+580				1470	77,98%	12	3	117.600.000	352.800.000	18.360.000	488.760.000							294.219.413	782.979.413				
	Ngô Văn Tờ, Trần Thị Viễn	5	1885	1885	41	943	1063,1	BHK	Đồng Đợt 1	1020									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.020,0	200.000	100%	204.000.000						
					41	580	511	BHK	Đồng Đợt 2	450								BT cột BT mác 200, KT: (0,1x0,1x1,7)x40	m³	0,68	3.226.656	10%	219.413							
54	Nguyễn Huy Sơn (Bắc)					41	581+944				882	77,98%	12	4	70.560.000	211.680.000	24.480.000	306.720.000							176.400.000	483.120.000				
	Nguyễn Huy Sơn (Bắc)	3	1131	1131	41	581	279,8	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0	200.000	100%	54.000.000						
					41	944	615,5	BHK	Đồng Đợt 1	612								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	612,0	200.000	100%	122.400.000							
55	Ngô Văn La (Oanh)					41	945+579				1176	77,98%	12	3	94.080.000	282.240.000	18.360.000	394.680.000							235.472.268	630.152.268				
	Ngô Văn La (Oanh)	4	1508	1508	41	945	818,4	BHK	Đồng Đợt 1	816									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	816,0	200.000	100%	163.200.000						
																	Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268								
						41	579	391,3	BHK	Đồng Đợt 2	360								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000						
56	Nguyễn Ngọc Bồi (Nội)					41	946+947+622				1176	77,98%	12	2	94.080.000	282.240.000	12.240.000	388.560.000							162.173.268	550.733.268				
	Nguyễn Ngọc Bồi (Nội)	4	1508	1508	41	946	794	BHK	Đồng Đợt 1	794									1. Nhân giống (cây trồng xen)	đồng/m²	504,0	180.000	30%	27.216.000						
																							2. Cây đào ĐK>10cm; H>200cm (cây trồng chính)		56					
																							Nằm trong mật độ	đồng/cây	56	400.000	100%	22.400.000		
					41	947	22	BHK	Đồng Đợt 1	22											3. Cây đào 5cm < ĐK ≤10cm; H>200cm (cây trồng chính)		200,0							
																							Nằm trong mật độ	đồng/cây	107,0	350.000	100%	37.450.000		
																							Vượt mật độ 30%	đồng/cây	27,0	350.000	30%	2.835.000		
																							Vượt mật độ >30%	đồng/cây	66,0	350.000	0%	0		
					41	622	393	BHK	Đồng Đợt 2	360											Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268				
																							Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000		

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số từ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m³)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
57	Ngô Văn Đám (Vân)					41	948+947+623					1350	76,49%	12	5	108.000.000	324.000.000	30.600.000	462.600.000							268.738.092	731.338.092
	Ngô Văn Đám (Vân)	5	1765	1765	41	948	893,6	BHK	Đồng Đợt 1	893,6										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	892,0	200.000	100%	178.400.000		
					41	947	6,4	BHK	Đồng Đợt 1	6,4									Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268			
																			BT cột BT mác 200: KT: (0,1x0,1x1,7)x12	m³	0,20	3.226.656	10%	65.824			
											41	623	459,1	BHK	Đồng Đợt 2	450								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000
58	Đặng Thị Xuyên					41	949+1097+624					810	76,49%	12	4	64.800.000	194.400.000	24.480.000	283.680.000							162.336.801	446.016.801
	Đặng Thị Xuyên	3	1059	1059	41	949	502,4	BHK	Đồng Đợt 1	502,4										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000		
					41	1097	37,6	BHK	Đồng Đợt 1	37,6									Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268			
																				BT cột BT mác 200: KT; (0,1*0,1*1) x20	m³	0,20	3.226.656	10%	64.533		
											41	624	281,9	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0
59	Ngô Văn Nghĩa, Nguyễn Thị Vân					41	721+1251					1470	77,98%	12	5	117.600.000	352.800.000	30.600.000	501.000.000							294.000.000	795.000.000
	Ngô Văn Nghĩa, Nguyễn Thị Vân	5	1885	1885	41	721	452,5	BHK	Đồng Đợt 2	450										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000		
					41	1251	1094,4	BHK	Đồng Đợt 1	1020										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.020,0	200.000	100%	204.000.000		
60	Nguyễn Ngọc Võ và Nguyễn Thị Thiết (đã chết) đại diện Nguyễn Ngọc Việt					41	664+1288					1470	77,98%	12	3	117.600.000	352.800.000	18.360.000	488.760.000							294.000.000	782.760.000
	Nguyễn Ngọc Võ (đã chết), Nguyễn Thị Thiết (đã chết) đại diện Nguyễn Ngọc Việt	5	1885	1885	41	664	467,3	BHK	Đồng Đợt 2	450										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000		
					41	1288	1191,8	BHK	Đồng Đợt 1	1020										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.020,0	200.000	100%	204.000.000		
61	Nguyễn Huy VI, Đặng Thị Thơm					41	1404+1603+1097					2070	78,08%	12	7	165.600.000	496.800.000	42.840.000	705.240.000							414.000.000	1.119.240.000
	Nguyễn Huy VI, Đặng Thị Thơm	7	2651	2651	41	1404	760,7	BHK	Đồng Đợt 2	714										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	2.070,0	200.000	100%	414.000.000		
					41	1603	1307,5	BHK	Đồng Đợt 1	1307,5																	
					41	1097	48,5	BHK	Đồng Đợt 2	48,5																	

11/11/2024

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
62	Trần Văn Sáng, Nguyễn Thị Dung					41	1494+1531					564	77,26%	12	2	45.120.000	135.360.000	12.240.000	192.720.000							113.072.268	305.792.268	
	Trần Văn Sáng, Nguyễn Thị Dung	2	730		730	41	1494	236	BHK	Đồng Đợt 2	204									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	204,0	200.000	100%	40.800.000			
						41	1531	491,5	BHK	Đồng Đợt 1	360									Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268			
																					Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000		
63	Nguyễn Văn Kệ, Lê Thị Niềng					41	1533+1492+1605					1530	78,66%	12	8	122.400.000	367.200.000	48.960.000	538.560.000							296.245.000	834.805.000	
	Nguyễn Văn Kệ, Lê Thị Niềng	5	1945	1945	41	1533	1051,2	BHK	Đồng Đợt 1	1020										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.020,0	200.000	100%	204.000.000			
					41	1492	259,6	BHK	Đồng Đợt 2	102										Cây nhãn giống (cây trồng xen)	đồng/m²	50	180.000	30%	2.700.000			
																			Cây đào 5cm <ĐK ≤ 10cm; H>200cm (cây trồng chính)		52							
																			Nằm trong mật độ	đồng/cây	20	350.000	100%	7.000.000				
																			Vượt mật độ 30%	đồng/cây	9	350.000	30%	945.000				
																			Vượt mật độ >30%	đồng/cây	23	350.000	0%	0				
																			Cây đào 2cm < ĐK ≤ 3cm; H>100cm		57							
																			- Vượt mật độ >30%	đồng/cây	57	150.000	0%	0				
					41	1605	513,2	BHK	Đồng Đợt 2	408										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	408,0	200.000	100%	81.600.000			
64	Vũ Thị Thuý (Minh)					41	1606+1601					846	77,26%	12	6	67.680.000	203.040.000	36.720.000	307.440.000							169.200.000	476.640.000	
	Vũ Thị Thuý (Minh)	3	1095	1095	41	1606	317,8	BHK	Đồng Đợt 2	306										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	306,0	200.000	100%	61.200.000			
					41	1601	543	BHK	Đồng Đợt 1	540										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000			
65	Chu Văn Tuấn (Hà)					41	1604+1600					282	77,26%	12	4	22.560.000	67.680.000	24.480.000	114.720.000							56.400.000	171.120.000	
	Chu Văn Tuấn (Hà)	1	365	365	41	1604	117,6	BHK	Đồng Đợt 2	102										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	102,0	200.000	100%	20.400.000			
					41	1600	180,5	BHK	Đồng Đợt 1	180										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000			

11/11/2024

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng										
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)			
66	Nguyễn Văn Bềng					41	1696+1681+1523+1526				1764	77,98%	12	6	141.120.000	423.360.000	36.720.000	601.200.000							352.800.000	954.000.000				
	Nguyễn Văn Bềng	6	2262	2262	41	1696	1215	BHK	Đồng Đợt 1	1215									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.224,0	200.000	100%	244.800.000						
					41	1681	9	BHK	Đồng Đợt 1	9																				
					41	1523	22,9	BHK	Đồng Đợt 2	22,9								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000							
					41	1526	517,1	BHK	Đồng Đợt 2	517,1																				
67	Nguyễn Huy Quyền					41	1723+1525				1470	77,98%	12	5	117.600.000	352.800.000	30.600.000	501.000.000							294.000.000	795.000.000				
	Nguyễn Huy Quyền	5	1885	1885	41	1723	1049,1	BHK	Đồng Đợt 1	1020									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.020,0	200.000	100%	204.000.000						
					41	1525	450,6	BHK	Đồng Đợt 2	450									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000						
68	Nguyễn Văn Quân, Nguyễn Thị Nở					41	1761+1781+1524				882	77,98%	12	5	70.560.000	211.680.000	30.600.000	312.840.000							177.010.021	489.850.021				
	Nguyễn Văn Quân, Nguyễn Thị Nở	3	1131	1131	41	1761	582,6	BHK	Đồng Đợt 1	582,6									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	612,0	200.000	100%	122.400.000						
																		Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268							
					41	1781	124,4	BHK	Đồng Đợt 1	29,4								Tường xây gạch chỉ, chiều dày ≤ 11 cm, cao ≤ 6m, vữa XM M50, KT: (60+9,2)*0,2	m³	1,52	2.218.558	10%	337.753							
					41	1524	277,3	BHK	Đồng Đợt 2	270								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0	200.000	100%	54.000.000							
69	Nguyễn Đức Mậu, Cao Thị Lan					41	1807+1610				1380	76,88%	12	5	110.400.000	331.200.000	30.600.000	472.200.000							213.295.000	685.495.000				
	Nguyễn Đức Mậu, Cao Thị Lan	5	1795	1795	41	1807	930,8	BHK	Đồng Đợt 1	930									Cây đào 2cm < ĐK ≤ 3cm; H>100cm (cây trồng chính)	đồng/cây	823,0									
																							Nằm trong mật độ	đồng/cây	186,0	150.000	100%	27.900.000		
																							Vượt mật độ 30%	đồng/cây	191,0	150.000	30%	8.595.000		
																							Vượt mật độ >30%	đồng/cây	446,0	150.000	0%	0		
					41	1610	468,2	BHK	Đồng Đợt 2	450											Cây Hoa lily trồng trên đất (cây trồng xen)	đồng/m²	519,0	200.000	100%	103.800.000				
																							Cây đào 2cm < ĐK ≤ 3cm; H>100cm (cây trồng chính)	đồng/cây	20,0					
																							Nằm trong mật độ	đồng/cây	20,0	150.000	100%	3.000.000		
																							Cây Hoa lily trồng trên đất (cây trồng xen)	đồng/m²	350,0	200.000	100%	70.000.000		

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng										Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số từ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xử đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)				
70	Đỗ Vũ Đại, Trần Thị Nụ					41	1378+1910				1350	76,49%	12	5	108.000.000	324.000.000	30.600.000	462.600.000							270.000.000	732.600.000				
	Đỗ Vũ Đại, Trần Thị Nụ	5	1765		1765	41	1378	456,9	BHK	Đồng Đợt 2	450								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.350,0	200.000	100%	270.000.000						
						41	1910	900	BHK	Đồng Đợt I	900																			
71	Nguyễn Huy Thuần, Phạm Thị Ưa					41	1377+1935+1934				1620	76,49%	12	5	129.600.000	388.800.000	30.600.000	549.000.000							195.831.000	744.831.000				
	Nguyễn Huy Thuần, Phạm Thị Ưa	6	2118		2118	41	1377	558	BHK	Đồng Đợt 2	540								Cây nhãn giống (cây trồng xen)	đồng/m²	324,0	180.000	30%	17.496.000						
																			Cây đào 2cm < ĐK ≤ 3cm; H>100cm (cây trồng chính)	đồng/cây	432,0									
																			Nằm trong mật độ	đồng/cây	108,0	150.000	100%	16.200.000						
																			Vượt mật độ 30%	đồng/cây	97,0	150.000	30%	4.365.000						
																			Vượt mật độ >30%	đồng/cây	227,0	150.000	0%	0						
						41	1935	16,1	BHK	Đồng Đợt I	16,1									Cây nhãn giống (cây trồng xen)	đồng/m²	648,0	180.000	100%	116.640.000					
						41	1934	1063,9	BHK	Đồng Đợt I	1063,9									Cây đào 2cm < ĐK ≤ 3cm; H>100cm (cây trồng chính)	đồng/cây	864,0								
																			Nằm trong mật độ	đồng/cây	216,0	150.000	100%	32.400.000						
																			Vượt mật độ 30%	đồng/cây	194,0	150.000	30%	8.730.000						
																			Vượt mật độ >30%	đồng/cây	454,0	150.000	0%	0						
72	Nguyễn Thị Nhi					41	1376+1935				1080	76,49%	12	5	86.400.000	259.200.000	30.600.000	376.200.000							202.457.967	578.657.967				
	Nguyễn Thị Nhi	4	1412		1412	41	1376	361,4	BHK	Đồng Đợt 2	360								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000						
						41	1935	724,5	BHK	Đồng Đợt I	720								Cây nhãn giống	đồng/m²	720,0	180.000	100%	129.600.000						
																			Tường xây gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 6m: vữa XM M50, KT (0,2*60m)*2	m³	2,64	2.218.558	10%	585.699						
																		Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268							
73	Văn Thị Chấm (chết) đại diện Ngô Thị Đoạt (là con)					41	1956+1375				810	76,49%	12	2	64.800.000	194.400.000	12.240.000	271.440.000							156.600.000	428.040.000				
	Văn Thị Chấm (chết) đại diện Ngô Thị Đoạt (là con)	3	1059		1059	41	1956	543,4	BHK	Đồng Đợt I	540								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000						
						41	1375	294,1	BHK	Đồng Đợt 2	270								Cây nhãn giống	đồng/m²	270,0	180.000	100%	48.600.000						

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
74	Nguyễn Văn Nguyệt, Nguyễn Thị Hề					41	1374+1981+1955				1350	76,49%	12	7	108.000.000	324.000.000	42.840.000	474.840.000								243.000.000	717.840.000
	Nguyễn Văn Nguyệt, Nguyễn Thị Hề	5	1765	1765	41	1374	453,7	BHK	Đồng Đợt 2	450									Nhân giống	đồng/m²	1.350,0	180.000	100%	243.000.000			
					41	1981	7,3	BHK	Đồng Đợt 1	7,3																	
					41	1955	892,7	BHK	Đồng Đợt 1	892,7																	
75	Nguyễn Văn Quán, Nguyễn Thị Tưu					41	1981+1373				1080	76,49%	12	6	86.400.000	259.200.000	36.720.000	382.320.000								216.272.268	598.592.268
	Nguyễn Văn Quán, Nguyễn Thị Tưu	4	1412	1412	41	1981	733	BHK	Đồng Đợt 1	720									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.080,0	200.000	100%	216.000.000			
					41	1373	367,1	BHK	Đồng Đợt 2	360								Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268				
76	Nguyễn Huy Bích, Lê Thị Hạ					41	1372+1991				1350	76,49%	12	7	108.000.000	324.000.000	42.840.000	474.840.000								270.000.000	744.840.000
	Nguyễn Huy Bích, Lê Thị Hạ	5	1765	1765	41	1372	462,1	BHK	Đồng Đợt 2	450									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000			
					41	1991	900	BHK	Đồng Đợt 1	900								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	900,0	200.000	100%	180.000.000				
77	Nguyễn Thị Thắm (Lâm)					41	1174+1370+1992				1620	76,49%	12	5	129.600.000	388.800.000	30.600.000	549.000.000								313.472.268	862.472.268
	Nguyễn Thị Thắm (Lâm)	6	2118	2118	41	1174	409	BHK	Đồng Đợt 2	299									Cây nhãn giống	đồng/m²	540,0	180.000	100%	97.200.000			
					41	1370	241	BHK	Đồng Đợt 2	241																	
					41	1992	1080	BHK	Đồng Đợt 1	1080									Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268			
																			Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.080,0	200.000	100%	216.000.000			
78	Trần Văn Thanh, Trần Thị Hiền					41	1172+1979				540	76,49%	12	4	43.200.000	129.600.000	24.480.000	197.280.000								100.800.000	298.080.000
	Trần Văn Thanh, Trần Thị Hiền	2	706	706	41	1172	180	BHK	Đồng Đợt 2	180									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000			
					41	1979	360	BHK	Đồng Đợt 1	360								Cây nhãn giống	đồng/m²	360,0	180.000	100%	64.800.000				

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)			
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)					
79	Nguyễn Văn Núi, Vũ Thị Lợi					41	1172+1992+1979+1957					809,9	76,48%	12	2	64.792.000	194.376.000	12.240.000	271.408.000								151.454.268	422.862.268			
	Nguyễn Văn Núi, Vũ Thị Lợi	3	1059	1059	41	1172	271,7	BHK	Đồng Đợt 2	270										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0	200.000	100%	54.000.000						
					41	1992	8,2	BHK	Đồng Đợt 1	8,2										Cây nhãn giống	đồng/m²	539,9	180.000	100%	97.182.000						
					41	1979	18	BHK	Đồng Đợt 1	18																					
					41	1957	513,7	BHK	Đồng Đợt 1	513,7																					
					Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268																					
80	Nguyễn Huy Huân (Hời)					41	1171+1172+1933+1958					1350	76,49%	12	5	108.000.000	324.000.000	30.600.000	462.600.000								175.200.000	637.800.000			
	Nguyễn Huy Huân (Hời)	5	1765	1765	41	1171	436,9	BHK	Đồng Đợt 2	436,9										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000						
					41	1172	13,1	BHK	Đồng Đợt 2	13,1																					
					41	1933	33,8	BHK	Đồng Đợt 1	33,8										Nhãn giống (cây trồng xen)	đồng/m²	630,0	180.000	30%	34.020.000						
					41	1958	866,2	BHK	Đồng Đợt 1	866,2											Cây quất 2cm ≤ Φ <7cm (cây trồng chính)	đồng/cây	480								
																							Nằm trong mật độ	đồng/cây	234	200.000	100%	46.800.000			
																								Vượt mật độ 30%	đồng/cây	73	200.000	30%	4.380.000		
																								Vượt mật độ >30%	đồng/cây	173	200.000	0%	0		
81	Trần Văn Thị, Đỗ Thị Mỹ					41	1170+1933					1350	76,49%	12	5	108.000.000	324.000.000	30.600.000	462.600.000							270.000.000	732.600.000				
	Trần Văn Thị, Đỗ Thị Mỹ	5	1765	1765	41	1170	467	BHK	Đồng Đợt 2	450									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000							
					41	1933	904,1	BHK	Đồng Đợt 1	900									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	900,0	200.000	100%	180.000.000							
82	Nguyễn Thị Ngo (đã chết) đại diện Nguyễn Thị Mẫu (là con)					41	1911+1168					540	76,49%	12	1	43.200.000	129.600.000	6.120.000	178.920.000							98.800.000	277.720.000				
	Nguyễn Thị Ngo (đã chết) đại diện Nguyễn Thị Mẫu (là con)	2	706	706	41	1911	374,3	BHK	Đồng Đợt 1	360										Nhãn giống	đồng/m²	360,0	180.000	100%	64.800.000						
					41	1168	189,5	BHK	Đồng Đợt 2	180										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	170,0	200.000	100%	34.000.000						

ĐANG

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
83	Đỗ Thị Đức (Đáp)					41	1827+1166+1167				1620	76,49%	12	4	129.600.000	388.800.000	24.480.000	542.880.000							324.272.268	867.152.268		
	Đỗ Thị Đức (Đáp)	6	2118	2118	41	1827	1080	BHK	Đồng Đợt 1	1080									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.080,0	200.000	100%	216.000.000				
					41	1166	272,2	BHK	Đồng Đợt 2	271,2								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000					
					41	1167	268,8	BHK	Đồng Đợt 2	268,8								Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268					
84	Nguyễn Văn Hào (Lựu)					41	1165+1166+1827+1826				1350	76,49%	12	3	108.000.000	324.000.000	18.360.000	450.360.000							261.000.000	711.360.000		
	Nguyễn Văn Hào (Lựu)	5	1765	1765	41	1165	433,9	BHK	Đồng Đợt 2	433,9									Cây nhãn giống	đồng/m²	450,0	180.000	100%	81.000.000				
					41	1166	16,1	BHK	Đồng Đợt 2	16,1																		
					41	1827	416,4	BHK	Đồng Đợt 1	416,4								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	900,0	200.000	100%	180.000.000					
					41	1826	499,3	BHK	Đồng Đợt 1	483,6																		
85	Ngô Văn Hùng, Phạm Thị Khiếu					41	1809+1164				2160	76,49%	12	7	172.800.000	518.400.000	42.840.000	734.040.000							432.000.000	1.166.040.000		
	Ngô Văn Hùng, Phạm Thị Khiếu	8	2824	2824	41	1809	1460,1	BHK	Đồng Đợt 1	1440									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.440,0	200.000	100%	288.000.000				
					41	1164	731	BHK	Đồng Đợt 2	720								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000					
86	Nguyễn Văn Biển (Thoan)					41	1268+1653				588	77,98%	12	7	47.040.000	141.120.000	42.840.000	231.000.000							115.800.000	346.800.000		
	Nguyễn Văn Biển (Thoan)	2	754	754	41	1268	191,6	BHK	Đồng Đợt 2	180									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000				
					41	1653	410	BHK	Đồng Đợt 1	408								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	399,0	200.000	100%	79.800.000					
87	Nguyễn Văn Điệp, Nguyễn Thị Tuyết					41	1087+1930				540	76,49%	12	2	43.200.000	129.600.000	12.240.000	185.040.000							108.000.000	293.040.000		
	Nguyễn Văn Điệp, Nguyễn Thị Tuyết	2	706	706	41	1087	414,2	BHK	Đồng Đợt 2	180									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000				
					41	1930	360	BHK	Đồng Đợt 1	360								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000					
88	Lê Thị Thuý (Lịch)					41	1089+1959				810	76,49%	12	2	64.800.000	194.400.000	12.240.000	271.440.000							143.100.000	414.540.000		
	Lê Thị Thuý (Lịch)	3	1059	1059	41	1089	379,3	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây ăn quả khác (Bưởi giống)	đồng/m²	90,0	150.000	100%	13.500.000				
					41	1959	540	BHK	Đồng Đợt 1	540								Cây nhãn giống	đồng/m²	540,0	180.000	100%	97.200.000					

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số từ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
89	Đỗ Thị Dội					41	1045+2013					810	76,49%	12	3	64.800.000	194.400.000	18.360.000	277.560.000							162.272.268	439.832.268	
	Đỗ Thị Dội	3	1059		1059	41	1045	288,7	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0	200.000	100%	54.000.000			
																			Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268				
						41	2013	540	BHK	Đồng Đợt 1	540										Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000		
90	Trần Văn Phổ, Lê Thị Lượng					41	939+976+1812+1823					1176	77,98%	12	3	94.080.000	282.240.000	18.360.000	394.680.000							235.691.681	630.371.681	
	Trần Văn Phổ, Lê Thị Lượng	4	1508		1508	41	939	243,1	BHK	Đồng Đợt 2	243,1									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.176,0	200.000	100%	235.200.000			
						41	976	116,9	BHK	Đồng Đợt 2	116,9									Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268			
						41	1812	41,3	BHK	Đồng Đợt 1	31,7									BT cột BT mác 200: (0,1*0,1 cao 1,7m)*40 cột	m³	0,68	3.226.656	10%	219.413			
						41	1823	784,3	BHK	Đồng Đợt 1	784,3									Lưới B40 không có khung thép	m²			0%	0			
91	Ngô Văn Cáo, Phạm Thị Công					41	937+1814					894	78,22%	12	6	71.520.000	214.560.000	36.720.000	322.800.000							179.373.940	502.173.940	
	Ngô Văn Cáo, Phạm Thị Công	3	1143		1143	41	937	329,3	BHK	Đồng Đợt 2	270									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	270,0	200.000	100%	54.000.000			
																			Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	624,0	200.000	100%	124.800.000				
						41	1814	655,9	BHK	Đồng Đợt 1	624									Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268			
																			Bê xây gạch chỉ khối tích ≤ 4m³ KT: 1,3*1,8*0,7	m³	1,64	1.841.712	10%	301.672				
92	Hoàng Thị Nhân (Tám)					41	2012+976					384	82,23%	12	1	30.720.000	92.160.000	6.120.000	129.000.000							69.120.000	198.120.000	
	Hoàng Thị Nhân (Tám)	1	467		467	41	2012	490	BHK	Đồng Đợt 1	204									Cây nhãn giống	đồng/m²	204,0	180.000	100%	36.720.000			
						41	976	460,2	BHK	Đồng Đợt 2	180									Cây nhãn giống	đồng/m²	180,0	180.000	100%	32.400.000			
93	Trần Văn Sỹ (Hoàn)					41	2008+978+865					1152	77,63%	12	7	92.160.000	276.480.000	42.840.000	411.480.000							230.400.000	641.880.000	
	Trần Văn Sỹ (Hoàn)	4	1484		1484	41	2008	809,7	BHK	Đồng Đợt 1	744									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.152,0	200.000	100%	230.400.000			
						41	978	251,7	BHK	Đồng Đợt 2	102																	
						41	865	530,3	BHK	Đồng Đợt 2	306																	

1/1
NH
1/1

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện,hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
94	Trần Văn Thước, Trần Thị Lúa					41	791+866+1999				1350	76,49%	12	5	108.000.000	324.000.000	30.600.000	462.600.000							244.800.000	707.400.000		
	Trần Văn Thước, Trần Thị Lúa	5	1765	1765	41	791	164,2	BHK	Đồng Đợt 2	164,2									Nhân giống	đồng/m²	360,0	180.000	100%	64.800.000				
					41	866	306,9	BHK	Đồng Đợt 2	285,8																		
					41	1999	909,8	BHK	Đồng Đợt 1	900							Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	900,0	200.000	100%	180.000.000						
95	Nguyễn Thị Thạo					41	1972				360	100%	12	0	28.800.000	86.400.000		115.200.000							72.000.000	187.200.000		
	Nguyễn Thị Thạo		360		360	41	1972	367,1	BHK	Đồng Đợt 1	360								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000				
96	Nguyễn Huy Bền, Trần Thị Hoạt					41	1966+1967+835				1620	76,49%	12	6	129.600.000	388.800.000	36.720.000	555.120.000							324.387.460	879.507.460		
	Nguyễn Huy Bền, Trần Thị Hoạt	6	2118	2118	41	1966	1031,5	BHK	Đồng Đợt 1	900									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	900,0	200.000	100%	180.000.000				
																		Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268					
																		BT cột BT mác 200: (0,1*0,1 cao 1,7m)*21 cột	m³	0,36	3.226.656	10%	115.192					
					41	1967	529	BHK	Đồng Đợt 1	180																		
					41	835	566,6	BHK	Đồng Đợt 2	540								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000					
97	Lê Thị Ngừng (Khích)					41+45	788+14				1632	76,62%	12	4	130.560.000	391.680.000	24.480.000	546.720.000							326.400.000	873.120.000		
	Lê Thị Ngừng (Khích)	6	2130	2130	41	788	563,5	BHK	Đồng Đợt 2	552									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	552,0	200.000	100%	110.400.000				
					45	14	1153,4	BHK	Đồng Đợt 1	1080									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.080,0	200.000	100%	216.000.000				
98	Đỗ Vũ Đàm (Thắng)					41	1938+1953+1821				1069,5	76,31%	12	4	85.560.000	256.680.000	24.480.000	366.720.000							206.910.000	573.630.000		
	Đỗ Vũ Đàm (Thắng)	4	1412	10,5	1401,5	41	1938	585,6	BHK	Đồng Đợt 1	585,6								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000				
						41	1953	134,4	BHK	Đồng Đợt 1	134,4																	
						41	1821	367,7	BHK	Đồng Đợt 2	349,5							Nhân giống	đồng/m²	349,5	180.000	100%	62.910.000					

Ph
T

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
99	Đỗ Văn Đoàn (Lương)					41	1822+1905+1937				1080	76,49%	12	4	86.400.000	259.200.000	24.480.000	370.080.000							216.000.000	586.080.000		
	Đỗ Văn Đoàn (Lương)	4	1412		1412	41	1822	425,1	BHK	Đồng Đợt 2	360								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000				
						41	1905	11,6	BHK	Đồng Đợt 1	11,6								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000				
						41	1937	708,4	BHK	Đồng Đợt 1	708,4																	
100	Nguyễn Huy An, Chu Thị Sáng					41	1917+1925+1805+1804				1620	76,49%	12	8	129.600.000	388.800.000	48.960.000	567.360.000							324.000.000	891.360.000		
	Nguyễn Huy An, Chu Thị Sáng	6	2118		2118	41	1917	345,6	BHK	Đồng Đợt 2	345,6								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	540,0	200.000	100%	108.000.000				
						41	1925	194,4	BHK	Đồng Đợt 2	194,4																	
						41	1805	9,2	BHK	Đồng Đợt 1	9,2								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.080,0	200.000	100%	216.000.000				
						41	1804	1070,8	BHK	Đồng Đợt 1	1070,8																	
101	Ngô Văn Chiến, Nguyễn Thị Biển					41	1805+1926+1925				1080	76,49%	12	7	86.400.000	259.200.000	42.840.000	388.440.000							216.272.268	604.712.268		
	Ngô Văn Chiến, Nguyễn Thị Biển	4	1412		1412	41	1805	739,1	BHK	Đồng Đợt 1	720								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000				
						41	1926	201,7	BHK	Đồng Đợt 2	201,7									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000			
						41	1925	158,3	BHK	Đồng Đợt 2	158,3								Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268				
102	Chu Văn Cũ, Vũ Thị Nụ					41	1926+1805+1787				1080	76,49%	12	4	86.400.000	259.200.000	24.480.000	370.080.000							189.000.000	559.080.000		
	Chu Văn Cũ, Vũ Thị Nụ	4	1412		1412	41	1926	399,2	BHK	Đồng Đợt 2	360								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000				
																		Cây ăn quả khác (Quất giống)	đồng/m²	180,0	150.000	100%	27.000.000					
						41	1805	5,5	BHK	Đồng Đợt 1	5,5								Cây ăn quả khác (Quất giống)	đồng/m²	360,0	150.000	100%	54.000.000				
						41	1787	714,5	BHK	Đồng Đợt 1	714,5								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000				
103	Ngô Văn Lê, Nguyễn Thị Đoan					41	1964+1727				1350	76,49%	12	5	108.000.000	324.000.000	30.600.000	462.600.000							270.000.000	732.600.000		
	Ngô Văn Lê, Nguyễn Thị Đoan	5	1765		1765	41	1964	528,8	BHK	Đồng Đợt 2	450								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	450,0	200.000	100%	90.000.000				
						41	1727	919,1	BHK	Đồng Đợt 1	900								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	900,0	200.000	100%	180.000.000				

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
104	Ngô Thị Chực (Thiệu)					41	1973+1643+1726				2160	76,49%	12	9	172.800.000	518.400.000	55.080.000	746.280.000							432.272.268	1.178.552.268		
	Ngô Thị Chực (Thiệu)	8	2824	2824	41	1973	720	BHK	Đồng Đợt 2	720									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000				
																Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268							
					41	1643	399,4	BHK	Đồng Đợt 1	399,4									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.440,0	200.000	100%	288.000.000				
					41	1726	1040,6	BHK	Đồng Đợt 1	1040,6																		
105	Nguyễn Thị Trà				41	1647+1658				270	76,49%	12	0	21.600.000	64.800.000		86.400.000							52.200.000	138.600.000			
	Nguyễn Thị Trà	1	353	353	41	1647	182,2	BHK	Đồng Đợt 1	180								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	180,0	200.000	100%	36.000.000					
					41	1658	94,5	BHK	Đồng Đợt 2	90								Cây nhãn giống	đồng/m²	90,0	180.000	100%	16.200.000					
106	Nguyễn Huy Đát				41	1627				720	42,96%	6		57.600.000	172.800.000		230.400.000							144.000.000	374.400.000			
	Nguyễn Huy Đát	4	1676	1676	41	1627	720,4	BHK	Đồng Đợt 1	720								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000					
107	Nguyễn Thị Tin (Năm)				41	1655+1676+1682				1080	76,49%	12	4	86.400.000	259.200.000	24.480.000	370.080.000							208.800.000	578.880.000			
	Nguyễn Thị Tin (Năm)	4	1412	1412	41	1655	345,2	BHK	Đồng Đợt 1	345,2									Cây nhãn giống	đồng/m²	360,0	180.000	100%	64.800.000				
					41	1676	14,8	BHK	Đồng Đợt 1	14,8																		
					41	1682	1001,5	BHK	Đồng Đợt 1	720								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000					
108	Chu Văn Nghi (chết) đại diện Chu Văn Dền (là con)				41	1701+1785+1784				1080	76,49%	12	2	86.400.000	259.200.000	12.240.000	357.840.000							216.000.000	573.840.000			
	Chu Văn Nghi (chết) đại diện Chu Văn Dền (là con)	4	1412	1412	41	1701	374,7	BHK	Đồng Đợt 2	360								Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	360,0	200.000	100%	72.000.000					
					41	1785	11,8	BHK	Đồng Đợt 1	11,8									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	720,0	200.000	100%	144.000.000				
					41	1784	708,2	BHK	Đồng Đợt 1	708,2																		

STT	Họ và tên chủ hộ hoặc người đại diện hợp pháp	Định suất giao	Tổng giao (m²)	DT đã thu hồi (m²)	Diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi					Diện tích thu hồi (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)								
						Số tờ	Số thửa	Diện tích theo Trích lục (m2)	Loại đất	Xứ đồng						Bồi thường về đất (80.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 80.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)										
109	Nguyễn Huy Lưu, Nguyễn Thị Yến					41	1767+1766+1988+1954				1462,4	69,05%	6		116.992.000	350.976.000	0	467.968.000								292.752.268	760.720.268									
	Nguyễn Huy Lưu, Nguyễn Thị Yến	6	2118	2118	41	1767	382,4	BHK	Đồng Đợt 2	382,4									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	382,4	200.000	100%	76.480.000												
																	Giếng khoan (sâu 30m)	m	30,0	90.756	10%	272.268														
					41	1988	20	BHK	Đồng Đợt 1	20									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	1.080,0	200.000	100%	216.000.000												
41	1954	1060	BHK	Đồng Đợt 1	1060																															
110	Nguyễn Huy Ngô (Luyến)					41	1768+1988+1982				1350	76,49%	12	4	108.000.000	324.000.000	24.480.000	456.480.000								114.405.000	570.885.000									
	Nguyễn Huy Ngô (Luyến)	5	1765	1765	41	1768	457,1	BHK	Đồng Đợt 1	450									Cây nhãn giống (cây trồng xen)	đồng/m²	255,0	180.000	30%	13.770.000												
																							Cây đào 5cm < ĐK ≤10cm; H > 200cm (cây trồng chính)	đồng/cây	195,0											
																							Nằm trong mật độ	đồng/cây	90,0	350.000	100%	31.500.000								
																							Vượt mật độ 30%	đồng/cây	31,0	350.000	30%	3.255.000								
																							Vượt mật độ >30%	đồng/cây	74,0	350.000	0%	0								
					41	1988	12,4	BHK	Đồng Đợt 1	12,4											Nhãn giống (cây trồng xen)	đồng/m²	630,0	180.000	30%	34.020.000										
											41	1982	887,6	BHK	Đồng Đợt 1	887,6										Cây đào 2cm < ĐK ≤3cm; H > 100cm (cây trồng chính)	đồng/cây	540,0								
																													Nằm trong mật độ	đồng/cây	180,0	150.000	100%	27.000.000		
																													Vượt mật độ 30%	đồng/cây	108,0	150.000	30%	4.860.000		
																													Vượt mật độ >30%	đồng/cây	252,0	150.000	0%	0		
111	Nguyễn Thị Mầm (Kết)										2058	77,98%	12	4	164.640.000	493.920.000	24.480.000	683.040.000								247.320.000	930.360.000									
	Nguyễn Thị Mầm (Kết)	7	2639	2639	41	1256	612,9	BHK	Đồng Đợt 2	426									Cây Hoa lily trồng trên đất	đồng/m²	630,0	200.000	100%	126.000.000												
					41	1620	233,6	BHK	Đồng Đợt 2	204																										
					41	1290	1499,7	BHK	Đồng Đợt 1	1428										Cây nhãn giống (cây trồng xen)	đồng/m²	1.080,0	180.000	30%	58.320.000											
																							Cây quất ĐK 7cm ≤ ĐK <12cm (cây trồng chính)		126,0											
																							- Nằm trong mật độ	đồng/cây	126,0	500.000	100%	63.000.000								

